

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 496 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 12 tháng 3 năm 2024

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH chăn nuôi Nguyên Khôi kèm theo Văn bản số 01/CV-NK ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 02/CV-NK ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 2.200 con heo thịt/lúa tại ấp Tân Nam, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1220/TTr-STNMT ngày 14 tháng 3 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH chăn nuôi Nguyên Khôi, địa chỉ tại ấp Tân Nam, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 2.200 con heo thịt/lúa, địa chỉ tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 38 ấp Tân Nam, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên Dự án đầu tư: trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 2.200 con heo thịt/lúa.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: thửa đất số 16, tờ bản đồ số 38 ấp Tân Nam, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.



1.3. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 23/9/2022.

1.4. Mã số thuế: 3901313081

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi heo thịt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 11.584,3 m<sup>2</sup>

1.6.3. Quy mô, công suất: chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, công suất 2.200 con heo thịt/lứa (2 lứa/năm), 02 chuồng nuôi.

1.6.4. Sản phẩm dịch vụ cung cấp: heo thịt.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH chăn nuôi Nguyên Khôi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH chăn nuôi Nguyên Khôi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Tân Bình, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng

ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty TNHH chăn nuôi Nguyên Khôi hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Tân Biên và các cơ quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Biên;
- UBND xã Tân Bình;
- Cty TNHH chăn nuôi Nguyên Khôi;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

AV

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 492/GPMT-UBND  
ngày 17 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Toàn bộ nước thải sau xử lý được sử dụng lại cho các hoạt động của Dự án, không xả thải ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải từ sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình chăn nuôi heo gồm nước vệ sinh chuồng trại, tắm heo, nước tiểu heo, rửa thiết bị dụng cụ, sát trùng xe, sát trùng người, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải của chuồng nuôi, nước thải từ quá trình ép phân, lưu lượng 43,363 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại Dự án là 43,863 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt với lưu lượng lớn nhất là 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được xử lý bằng bể tự hoại, số lượng 01 bể, thể tích 12m<sup>3</sup>. Nước thải sau bể tự hoại dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT với hệ số K<sub>q</sub> = 0,6 và K<sub>f</sub> = 1,3.

- Nước thải từ quá trình chăn nuôi heo gồm nước vệ sinh chuồng trại, tắm heo, nước tiểu heo, rửa thiết bị dụng cụ, sát trùng xe, sát trùng người, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải của chuồng nuôi, nước thải từ quá trình ép phân, lưu lượng 43,363 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom về 01 bể biogas kích thước: 30 m x 20 m x 4,0 m. Nước thải sau bể biogas được dẫn về 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT: 2016/BTNMT với hệ số K<sub>q</sub> = 0,6 và K<sub>f</sub> = 1,3 để tái sử dụng 100% cho hoạt động của Dự án.

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 62- MT:2016/BTNMT, cột A ( $K_q=0,6$ ; $K_f=1,3$ )	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub> ( 20°C)	mg/l	31,2	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	39	
4	COD	mg/l	78	
5	Tổng Nitơ (N)	mg/l	39	
6	Tổng Coliform	mg/l	3.000	

Trường hợp Công ty tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây xanh thì nước thải phải đảm bảo đạt QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 01- 195:2022/BNNPTNT
1	pH	-	5,5 - 9
2	Clorua (Cl- )	mg/L	≤ 600
3	Asen (As)	mg/L	≤ 0,1
4	Cadimi (Cd)	mg/L	≤ 0,01
5	Crom tổng số (Cr)	mg/L	≤ 0,5
6	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,002
7	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,05
8	E.coli	MPN/100mL hoặc CFU/100 ml	≤ 200

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1 Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 1) → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm (1).

- Nước thải chăn nuôi (nguồn số 2) → Hồ CT (hồ thu gom) → Tách phân (phân đưa qua máy ép phân) → Bể biogas → Bể chứa nước sau biogas → Hệ thống xử



lý nước thải tập trung công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm (2).

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải (1), (2) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sau xử lý.

- Hóa chất sử dụng: chế phẩm men vi sinh, PAC, Polymer, Chlorin.

- Công suất thiết kế: 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 (một) bể tự hoại, kích thước: 3,0m x 2,0m x 2,0m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Bể biogas, kích thước 30 m x 20m x 4m; lót bạt chống thấm HDPE.

- Bể điều hòa, kích thước: 2,0m x 2,0m x 2,5m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Bể thiếu khí, kích thước: 3,0m x 4,0m x 2,5m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Bể hiếu khí: kích thước: 3,0m x 6,0m x 2,5m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Bể lắng sinh học, kích thước: 8,0m x 12m x 3,0m; lót bạt chống thấm HDPE.

- Bể phản ứng, kích thước: 2,0m x 2,0m x 2,5m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Bể keo tụ, tạo bông, kích thước: 2,0m x 2,0m x 2,5m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Bể lắng hóa lý, kích thước: 2,0m x 2,0m x 2,5m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Bể khử trùng, kích thước: 2,0m x 2,0m x 2,5m; kết cấu tường gạch, đáy bê tông.

- Hồ chứa nước sau xử lý, kích thước 30m x 20m x 4,0m; lót bạt chống thấm HDPE.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**

Từ ba (03) đến sáu (06) tháng kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

Hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- Một (01) điểm nước thải đầu vào tại hồ thu gom.
- Một (01) điểm nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, nước thải sau xử lý phải giám sát các thông số pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, tổng Coliform và được chứa tại hồ chứa nước thải sau xử lý tái sử dụng 100% cho hoạt động của trang trại. Trường hợp Công ty tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây thì nước thải phải xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT với hệ số  $K_q = 0,6$  và  $K_f = 1,3$  và QCVN 01 - 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý: tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải);
- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.



### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần 2.2.2 trước khi tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại, không xả thải ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm với các nội dung quy định tại Khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~496~~ 496/GPMT-UBND  
ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:**

- Nguồn khí thải số 01 – Chuồng nuôi số 01: khí thải từ 08 quạt hút bên trong chuồng nuôi heo số 01, lưu lượng tối đa là 358.400 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 44.800 m<sup>3</sup>/giờ/quạt hút).
- Nguồn khí thải số 02 – Chuồng nuôi số 02: khí thải từ 08 quạt hút bên trong chuồng nuôi heo số 02, lưu lượng tối đa là 358.400 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 44.800 m<sup>3</sup>/giờ/quạt hút).
- Nguồn khí thải số 03 – Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 100 KVA. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện, với lưu lượng phát sinh khoảng 285 m<sup>3</sup>/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải, bụi**

- Nguồn khí thải số 01: Tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Dãy chuồng nuôi số 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 606; Y= 547 242.
- Nguồn khí thải số 02: Tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của Dãy chuồng nuôi số 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 523; Y= 547 045.
- Nguồn khí thải số 03: Tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 481; Y= 547 091.

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>o</sup>30' múi chiều 3<sup>o</sup>)*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Nguồn khí thải số 01 và số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.800 m<sup>3</sup>/giờ/quạt hút x 08 quạt hút = 358.400 m<sup>3</sup>/giờ/chuồng.
- Nguồn khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 285 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi:**

- Nguồn khí thải số 01 và số 02: Khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 8 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 03: Xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Nguồn khí thải số 01 và số 02 đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H <sub>2</sub> S	µg/Nm <sup>3</sup>	42	02 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH <sub>3</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm <sup>3</sup>	200		

- Nguồn khí thải số 03 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kv = 1,0; Kp = 1,0.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	P ≤ 20.000	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn khí thải số 01 và số 02: Khí thải từ các trại chăn nuôi xả khí thải ra môi



trường thông qua 16 quạt hút của 02 chuồng nuôi (mỗi chuồng có 8 quạt hút).

- Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện công suất 100KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống cao 3m, vật liệu Inox.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ các chuồng nuôi: khí thải → quạt hút → công trình xử lý chất thải (lắp đặt khung sắt che bằng lưới, lắp đặt hệ thống phun sương) → thoát ra môi trường.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phát lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Trường hợp sự cố mất lưới điện, Công ty phải tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của trang trại.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để giám sát vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số  $\frac{4196}{GPMT-UBND}$   
ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền nuôi 1.
- Nguồn số 2: Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền nuôi 2.
- Nguồn số 3: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: tọa độ: X= 1277 606; Y= 547 242.
- Nguồn số 02: tọa độ: X= 1277 523; Y= 547 045.
- Nguồn số 03: tọa độ: X= 1277 481; Y= 547 091.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4912/GPMT-UBND*  
*ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn	40	14 02 02
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	20	13 02 01
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	30	13 02 02
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Bao bì, chai lọ vaccine)	Rắn	100	18 01 03
8	Heo chết do dịch bệnh	Rắn	Không xác định	14 02 01
<b>Tổng cộng</b>			<b>222</b>	



## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải rắn	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm ( <i>xác heo chết không do dịch bệnh</i> )	13 02 04	Rắn	1,3
2	Phân động vật, phân bón hữu cơ thải (gồm cả rơm) ( <i>Phân heo</i> )	14 01 12	Rắn/bùn	3.476
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	14 03 04	Bùn	198,8
4	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải ( <i>Bao bì đựng thức ăn</i> )	18 01 06	Rắn	2,43
<b>Tổng khối lượng</b>		-	-	<b>3.678,53</b>

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	75
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>75</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

## 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

## 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, kín đáo với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

## 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 4 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che

bằng tôn, nền bê tông, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy, bao bì.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Nhà chứa chất thải thông thường: diện tích 10m<sup>2</sup>.
- Nhà chứa phân: diện tích 80m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có tường bao quanh, lợp mái tôn, nền bê tông đảm bảo kín, không bị thấm thấu có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.
- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu vực chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của



Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

**2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh xảy ra trên diện tích rộng:**

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01 - 79: 2011/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01- 99:2012/BNNPTNT về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

- Bố trí khu đất dự phòng nằm cuối lô đất thực hiện Dự án. Khi có trường hợp dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác heo chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Công ty bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác heo chết do dịch bệnh tại Dự án.

**3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 496/GPMT-UBND*  
*ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A, với hệ số  $K_q = 0,6$  và  $K_f = 1,3$  trước khi xả vào ao chứa nước thải trong khuôn viên Dự án. Trường hợp, Công ty tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây phải đảm bảo đạt QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
4. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong



suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT - BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

5. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.